

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đời.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tôn Nám.

Bà Ký Kế Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Vũ B, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Tạ Thị T, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2018, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa ông Trần Vũ B trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Tạ Thị T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do không hòa hợp trong lối sống. Ông và bà Tạ Thị T đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4/2016. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ và tiếp tục chung sống, nên ông yêu cầu ly hôn bà Tạ Thị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Tạ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà thống nhất lời trình bày của ông Trần Vũ B về thời gian bà và ông Trần Vũ B chung sống với nhau như vợ chồng và việc không đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền cũng như về mâu thuẫn và hiện không còn sống chung từ tháng 4 năm 2016, nay bà đồng ý ly hôn ông Trần Vũ B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Năm 2014, ông Trần Vũ B và bà Tạ Thị T chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân của ông Trần Vũ B và bà Tạ Thị T đã vi phạm về thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông Trần Vũ B và bà Tạ Thị T là không hợp pháp, nay xét không công nhận ông Trần Vũ B và bà Tạ Thị T là vợ chồng là có căn cứ theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Vũ B phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không công nhận ông Trần Vũ B và bà Tạ Thị T là vợ chồng.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Vũ B phải chịu 300.000 đồng. Ông Trần Vũ B đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu

tiền số 0006968 ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Đồi

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

